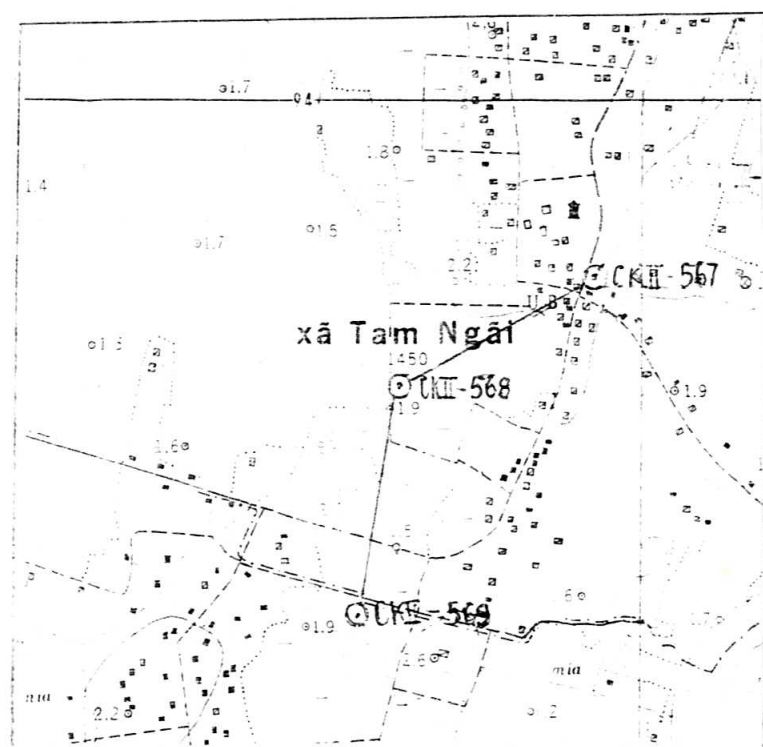


# GHI CHÚ ĐIỂM TOạ ĐỘ

Tên điểm: \_\_\_\_\_ Số hiệu: CK-II. 568. Mảnh bản đồ: C-48-81-A-C-1.  
 Phương pháp đo: Đường chuyền \_\_\_\_\_ Cấp, hạng: ĐC II  
 Trị giá khái lược \_\_\_\_\_ Độ cao: 2.6 \_\_\_\_\_ Kinh độ: 106° 01' 1"  
 Loại đất: Thổ \_\_\_\_\_ Chất đất: Cát \_\_\_\_\_ Vĩ độ: 9° 53' 2"  
 Nơi đặt mốc: Thôn Ấp: Ngọc Hồ \_\_\_\_\_ Xã (tư trấn, phường): Tam Ngãi  
 Huyện (Quận): Cầu Kè \_\_\_\_\_ Tỉnh (Thành phố): Trà Vinh  
 Nơi ở gần nhất: Ấp: Ngọc Hồ \_\_\_\_\_ Khoảng cách tới điểm: 100 m  
 Người chọn: Phạm Văn Khoa \_\_\_\_\_ Đơn vị chọn: XNTĐ 203 - Công ty địa chất và Công trình  
 Ngày 11 tháng 4 năm 2000

Bản đồ địa hình khu vực điểm và sơ đồ hướng



Điểm thông hướng:

(Tên, số hiệu, cấp hạng điểm)  
 liên quan mà từ mặt đất điểm  
 trạm đo nhìn thông suốt  
 tới điểm liên quan

Điểm:

CK-II. 567

CK-II. 569

Họ, tên, địa chỉ người

dẫn đường

Thạch Xi

Ấp: Ngọc Hồ

Xã: Tam Ngãi

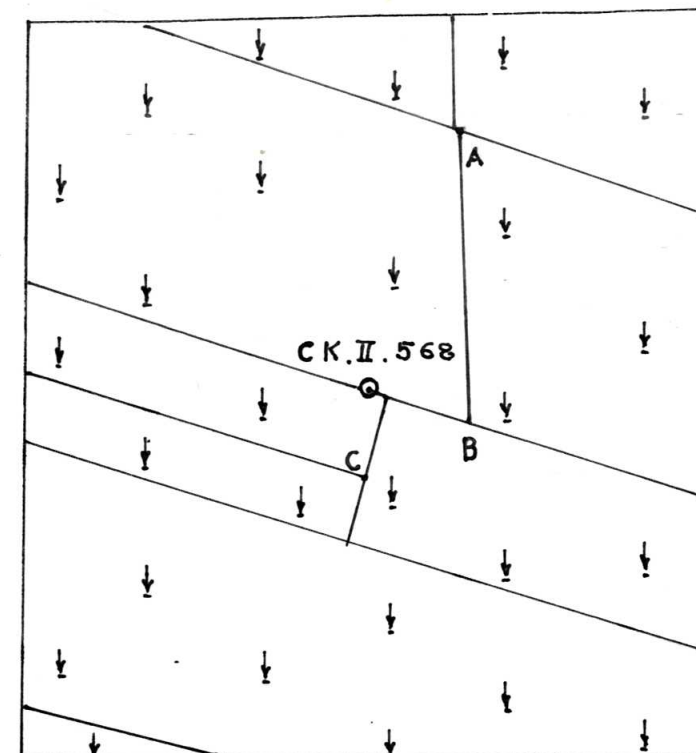
Huyện: Cầu Kè

Tỉnh: Trà Vinh

Số liệu đo mốc (mm)

Từ van đến điểm đến:	Lần 1	Lần 2	T.B.	Chiều cao các tầng mốc
Đáy mốc	1492	1493	1492	
Trung tâm mốc dưới	1090	1091	1090	402
Trung tâm mốc giữa				
Trung tâm mốc trên				
Mặt đất	0828	0829	0828	262
Mặt tường vôi hoặc mặt đốt sau khi đắp	0506	0506	0506	322

Sơ đồ vị trí điểm



Tỷ lệ: 1:1000

Đơn vị chôn mốc, làm tường vôi:  
 XNTĐ 203 - Công ty địa chất và Công trình

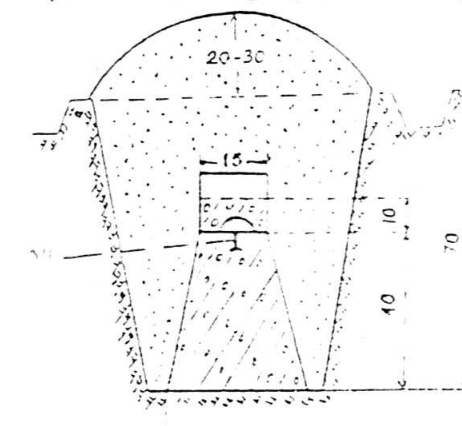
Người chôn mốc:

Nguyễn Bá Tuy

Loại mốc: Chôn đá

Ngày 17 tháng 4 năm 2000

Hình vẽ mặt cắt mốc, tường vôi (đơn vị cm)



Vị	Tên vật chuẩn	Hướng và khoảng cách từ mốc đến vật chuẩn, m
A	Ngã 3 bờ ruộng	Bắc Đông Bắc 36.00
B	Ngã 3 bờ ruộng	Đông 10 80
C	Ngã 3 bờ ruộng	Nam 11 60

Điểm này, Tân dựng mốc cũ, gia cố, chôn trung mốc

Tên điểm: \_\_\_\_\_ Số hiệu: \_\_\_\_\_ Cấp, hạng: \_\_\_\_\_

Điểm này đo nội độ cao bằng: \_\_\_\_\_ Cấp, hạng: \_\_\_\_\_

Đường đi đến điểm (đường ô tô, sắt, thủy, số KM): \_\_\_\_\_

Từ thị trấn Huyện Cầu Kè đi dọc theo Sông Cầu Kè, tới Bến cát (Xã An Phú  
 Tân) Lên đò khoảng 8 Km, rồi theo đường đất, đến Ấp Ngọc Hồ, Chợ Cây Xanh  
 (Xã Tam Ngãi) khoảng 2.5 Km, Từ chợ Cây Xanh, hướng Tây đến điểm đo 800m  
 C. quan gia cố mốc, tường vôi, lập ghi chú điểm:

Ngày 17 tháng 4 năm 2000

Ngày 30 tháng 4 năm 2000

Người làm ghi chú điểm

Người kiểm tra

Phạm Văn Khoa

Hồ Văn Hỷ

## HƯỚNG DẪN LẬP GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

Bản ghi chú điểm tọa độ này sử dụng để làm ghi chú điểm tọa độ Nhà nước cấp "0", hạng I, II, III, cấp IV và địa chính I, II. Sử dụng mực màu đen để điền viết hoặc đánh máy kiểu chữ in nghiêng. Chữ, số, nét vẽ phải rõ ràng, cân thận, đảm nét để đảm bảo khi photocopy được bản rõ nét.

1. Tên điểm: Lấy theo địa danh nơi đặt điểm địa phương thường dùng ở vùng dân tộc ít người ghi phiên âm trong ngoặc đơn. Các điểm địa chính I, II thường không có tên điểm.

2. Số hiệu cấp hạng điểm: Theo quy định trong luận chứng kinh tế - kỹ thuật (LCKT) - KT và thực tế thi công.

3. Mảnh bản đồ số: Là phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình lưới chiếu Gauss, tỉ lệ 1 : 100 000 đối với điểm cấp "0", hạng I, II, III, IV Nhà nước và tỉ lệ 1 : 50 000 đối với điểm địa chính I, II.

4. Phương pháp đo: Theo quy định trong LCKT - KT, thí dụ: Công nghệ GPS, đường chuyên ... và thực tế thi công.

5. Giá trị khải lược: Lấy theo số liệu trên bản đồ ở mục 3. Độ cao lấy đến mét, kinh vĩ độ đến 0,1".

6. Loại đất: Đất công hay tư (tư nhân sử dụng), chất đất theo thực tế. Nếu gắn trên vật kiến trúc, trên đá thì ghi rõ gắn trên (tháp nước, nhà mái bằng, nền đất ... - tên riêng, tên chủ nhà).

7. Nơi đặt mốc: Là địa chỉ hiện tại. Nếu làm trên bề mặt, lòng đường phải ghi tên đường, phố.

8. Vị trí gần nhất: Là tên thôn, bản, làng, xã, huyện nếu điểm đặt ở trong khu dân cư gần nhất. Nếu điểm đặt tại điểm dân cư thì ghi gần nhất và lấy đến 1 km, 0,1 km hoặc tối thiểu một tùy theo điểm ở xa, gần dân cư.

9. Người chọn, đơn vị chọn: Là tên người, đơn vị chọn điểm.

10. Điểm thông hướng: Theo quy định trong LCKT - KT và theo thực tế thông hướng của điểm.

11. Bản đồ địa hình khu vực điểm và sơ đồ hướng: Cắt và dán bản đồ địa hình hoặc bản photocopy bản đồ địa hình, bản đồ khu vực tỉ lệ 1 : 10 000 - 1 : 50 000, mỗi cạnh lớn từ 10 cm. Lấy vị trí điểm làm trung tâm, vẽ hình chữ "O" hạng I, II, III, IV Nhà nước và bằng ký hiệu tam giác, điểm địa chính I, bằng ký hiệu chấm, tròn. Cảnh tam giác, đường kính vòng tròn là 4 mm và tô đặc. Số hiệu điểm ghi vào góc thuận (tên) để xác của chữ, số là 2,5 mm. Hướng tên điểm thông hướng về mũi tên đến vị trí điểm đặt nếu điểm ở trong khung hoặc vẽ đến cạnh khung (nếu điểm ở ngoài khung). Số hiệu điểm thông hướng viết dọc theo chiều mũi tên, cao 2,5 mm. Sơ đồ hướng: Chỉ vẽ hướng đến các điểm thông hướng.

12. Người dẫn đường: Là người có họ khẩu thường trú ở địa phương, ghi địa chỉ cụ thể.

13. Số hiệu đo mốc: Chỉ có khi chôn mốc từ hai tầng trở lên hoặc mốc có hai đầu mốc. Số hiệu lấy từ số đo mốc. Điểm tọa độ hạng IV Nhà nước, điểm địa chính I, II không có mục này. Các điểm gắn trên vật kiến trúc thường cũng không có mục này.

14. Sơ đồ vị trí điểm (10 x 9)cm và vật chuẩn: Chọn tỷ lệ thích hợp để vẽ được 3 vật chuẩn nằm trong khung sơ đồ. Chỉ vẽ các yếu tố chính có liên quan đến tìm điểm. Vật chuẩn phải là các địa vật cố định, ổn định lâu dài ở thực địa. Ký hiệu và số hiệu điểm quy định như ở mục 11 nhưng không tô đặc, có chấm ở tâm ký hiệu.

15. Người, đơn vị chôn mốc, làm tương vẩy: Mục nào không làm gạch ngang để bỏ.

16. Loại mốc: Mốc chôn 2 hoặc 3 tầng, mốc gắn trên núi đá, nền đá 2 tầng, mốc gắn trên vật kiến trúc 1 hoặc 2 tầng, bê thiên văn (nếu trùng vào bê thiên văn).

17. Hình vẽ mặt cắt: Theo sơ đồ ghi chú điểm cũ (mốc chôn cũ) và theo thực tế chôn mốc, làm tương vẩy mới.

18. Điểm này: Tân dụng mốc cũ, gia cố, chôn trùng mốc: Gạch ngang bỏ mục không làm. Nếu chôn mốc mới không gạch bỏ và không điền viết mục này.

19. Điểm này có nổi độ cao bằng: Công nghệ GPS, đo các hình học, đo các vầng mặt: Cấp, hạng: Ghi khi đạt từ kỹ thuật (hoặc tương đương) trở lên. Thí dụ: Kỹ thuật, tương đương hạng IV, hạng IV...

20. Đường đi tới điểm: Ghi rõ đi từ địa điểm cụ thể nào, bằng phương tiện gì. Nếu đi bộ qua rừng, núi thì phải ghi thời gian đi và phòng chừng quãng đường.

21. Cơ quan gia cố mốc, tương vẩy, lắp ghi chú điểm: Nếu mốc, tương vẩy làm mới thì không ghi mục này. Nếu làm bổ sung thì gạch ngang để bỏ phần việc không làm, tương tự mục 18.

22. Người làm ghi chú điểm, người kiểm tra: Ghi rõ họ, tên, không in tên.

TỔNG CỤC ĐỊA CHÍNH

7/10/2000

## GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

TÊN ĐIỂM : \_\_\_\_\_

SỐ HIỆU : CK. II. 568

CẤP, HẠNG : ĐC II

NĂM 2000